TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2026/DS-ST
Ngày: 30-01-2026
V/v "Tranh chấp
Hợp đồng vay T sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-BẮC NINH,TỈNH BẮC NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Vân

* *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thân Văn Nhàn
2. Ông Hoàng Văn Tấn

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Sỹ- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 255/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay T sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-DS ngày 13/01/2026 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** *Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1978 (có mặt)*
Nơi cư trú: Thôn Giữa, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh.

* ***Bị đơn:*** *Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt)*
Nơi cư trú: Thôn Giữa, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày:*

Anh và anh Hoàng Văn D không có mối quan hệ gì, là người cùng làng. Ngày 08/02/2024 anh có cho anh Hoàng Văn D vay số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), anh và anh D có viết giấy biên bản thỏa thuận vay tiền cá nhân, toàn bộ chữ viết trong giấy vay tiền là chữ viết của anh D, giấy vay tiền được viết tại nhà anh, lúc viết giấy vay tiền có mặt anh, anh D, ngoài ra không có ai khác. Sau khi viết giấy vay tiền xong anh đưa đủ số tiền 80.000.000 đồng cho anh D, hai bên không viết thêm giấy tờ gì khác.

Cụ thể nội dung trong giấy biên nhận thỏa thuận vay tiền cá nhân toàn bộ nội dung như trong giấy vay tiền đã ghi, giấy vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng không ghi vào giấy vay tiền, thời hạn hai bên thỏa thuận 01 tháng trả số tiền trên trong giấy vay tiền ghi ngày 08 tháng 02 năm 2024 là anh D ghi nhầm mà thực tế là thời hạn trả hai bên thống nhất là 01 tháng tức ngày 08/3/2024, toàn bộ là chữ viết, chữ ký "D, Hoàng Văn D" trong mục người vay tiền là chữ ký, chữ viết của anh D.

Anh D vay tiền mục đích cá nhân anh D, số tiền vay này không liên quan gì đến vợ anh D. Số tiền anh cho anh D vay là số tiền của cá nhân anh không liên quan gì đến vợ anh chị Lưu Thị Đạt, đề nghị Tòa án không đưa vợ anh vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Giấy vay tiền có ghi: "Mỗi tháng trả ông T 10 triệu tiền gốc, nếu sai anh xin chịu trách nhiệm". Từ khi đến hạn trả nợ anh D không trả được cho anh khoản tiền gốc nào, chỉ trả được tiền lãi là 1.000.000 đồng, ngoài ra không trả khoản tiền nào khác.

Nay anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Hoàng Văn D phải trả cho anh số tiền gốc đã vay là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) theo giấy biên nhận thỏa thuận vay tiền cá nhân đề ngày 08/02/2024 và anh không yêu cầu trả tiền lãi. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa anh Hoàng Văn T có mặt trình bày: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

** Tại biên bản lấy lời khai anh Hoàng Văn D trình bày:*

Anh và anh T là người cùng làng, quá trình làm ăn cá nhân anh có vay của anh T số tiền 80.000.000 đồng, khi vay tiền hai bên có viết giấy biên nhận thỏa thuận vay tiền cá nhân ngày 08/02/2024, khi vay hai bên thỏa thuận lãi bên ngoài không ghi vào giấy vay tiền, thời hạn vay 01 tháng, số tiền vay này là cá nhân anh vay không liên quan gì đến vợ anh, trong giấy vay có ghi "mỗi tháng trả ông T 10 triệu tiền gốc nếu sai tôi chịu trách nhiệm" và toàn bộ chữ ký, chữ viết "D, Hoàng Văn D" là chữ viết, chữ ký của anh tự viết ra tại mục người vay. Nay anh xác định cá nhân anh có nợ anh T số tiền 80.000.000 đồng, anh T yêu cầu anh trả 80.000.000 đồng anh đồng ý nhưng phương án trả là mỗi tháng anh trả anh T 10.000.000 đồng bắt đầu từ tháng 01/2026 cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa anh Hoàng Văn D vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh T có mặt, bị đơn anh D vắng mặt có đơn xin vắng mặt chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147, Điều 227, Điều 228; Diều 271; Điều 273 Bộ

luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

- Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn T. Buộc anh Hoàng Văn D phải trả cho anh Hoàng Văn T số tiền gốc đã vay là 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Về án phí: Anh Hoàng Văn D phải chịu 4.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Hoàng Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án Tranh chấp hợp đồng vay T sản giữa anh Hoàng Văn T và anh Hoàng Văn D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh D có nơi cư trú: Thôn Giữa, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh nên Tòa án nhân dân khu vực 2-Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

- Đối với chị Lưu Thị Đạt, sinh năm 1983, trú tại thôn Giữa, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh là vợ anh Hoàng Văn T tại bản tự khai có trình bày: Việc vay nợ của anh D với chồng chị anh T ngày 08/02/2024 số tiền 80.000.000 đồng thì chị không chứng kiến và không biết, số tiền cho anh T cho anh D vay là tiền cá nhân anh T không liên quan gì đến chị, chị đề nghị không đưa chị vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Anh T xác định số tiền cho anh D vay là tiền cá nhân anh, số tiền anh D vay là vay cá nhân anh D, anh D trình bày số tiền vay anh T là vay cá nhân anh không liên quan gì đến vợ anh. Nên Tòa án xác định không đưa vợ anh T chị Đạt và vợ anh D vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

- Bị đơn anh Hoàng Văn D vắng mặt đã có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D.

[3] Về quan hệ pháp luật: Anh Hoàng Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu anh Hoàng Văn D phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc theo giấy biên nhận thỏa thuận vay tiền cá nhân ngày 08/02/2024 và không yêu cầu trả tiền lãi được xác định là quan hệ “Tranh chấp Hợp đồng vay T sản" theo Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[4] Về thời hiệu: Căn cứ Giấy biên nhận thỏa thuận vay tiền cá nhân đề ngày 08/02/2024 thì anh D vay anh T số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 08/3/2024. Sau đó đến hạn trả nợ anh D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 14/10/2025 anh T nộp đơn khởi kiện yêu cầu anh D trả số tiền đã vay. Vụ án không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu. Căn cứ khoản 2 Điều 149 của Bộ luật

dân sự, khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Văn T, Hội đồng xét xử thấy:

* Về nghĩa vụ trả tiền và số tiền phải trả: Căn cứ vào chứng cứ là giấy biên nhận thỏa thuận vay tiền cá nhân đề ngày 08/02/2024 có chữ viết và chữ ký của anh Hoàng Văn D mục bên vay và lời khai anh D cũng thừa nhận toàn bộ chữ ký, chữ viết trong giấy trên là chữ ký, chữ viết của anh, là phù hợp với lời khai của nguyên đơn anh T là người cho vay số tiền gốc là 80.000.000 đồng. Sau khi vay xong đến hạn trả anh D không trả được tiền cho anh T. Anh D xác định số tiền vay anh T là vay làm ăn riêng cá nhân anh, không liên quan gì đến vợ anh. Anh T xác định số tiền anh D vay là vay cá nhân anh D, số tiền anh cho anh D vay là tiền của cá nhân anh, không liên quan gì đến vợ anh. Anh T khởi kiện yêu cầu cá nhân anh D phải trả cho anh số tiền đã vay. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T buộc anh D phải trả anh T số tiền gốc đã vay 80.000.000 đồng theo giấy biên nhận thỏa thuận vay tiền cá nhân đề ngày 08/02/2024.

* Về lãi suất: Anh Hoàng Văn T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Tại phiên tòa bị đơn anh D vắng mặt nên không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh T được chấp nhận nên anh D phải phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể tiền án phí dân sự sơ thẩm của là: 80.000.000 đồng x 5% = 4.000.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn T. Buộc anh Hoàng Văn D phải trả cho anh Hoàng Văn T số tiền gốc đã vay là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) theo giấy biên nhận thỏa thuận vay tiền cá nhân đề ngày 08/02/2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả

các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Án phí:

- Anh Hoàng Văn D phải chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả anh Hoàng Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai số 0001992 ngày 17/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

[3] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2-Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2-Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân